

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/DS-ST.

Ngày: 17/7/2023.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Kim Mến

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2023/TLST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Cẩm Th, sinh năm 1986 - Chủ hộ kinh doanh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Minh Th1, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Số 222 ấp H, xã Ng, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1/ Ông Hồ Văn Th2, sinh năm 1976 (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Ngọc Ph, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H1, xã Ng1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2023, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Minh Th1 trình bày: Vào năm 2014, ông Trịnh Cẩm Th là Chủ hộ kinh doanh T (tên chủ hộ kinh doanh trước đây là X) có bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Hồ Văn Th2, bà Nguyễn Ngọc Ph.

Do mua bán với nhau lâu năm nên không lập hợp đồng bằng văn bản. Đến ngày 09/4/2018 thì hai bên mới lập hợp đồng mua bán do ông Hồ Văn Th2 đại diện vợ chồng ký hợp đồng, khi giao dịch qua các sổ giao nhận hàng ghi tên “A”. Theo thỏa thuận, khi ông Th bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Th2, bà Ph thì hàng hóa do nhân viên giao hàng chở đến tận nơi hoặc ông Th2, bà Ph hoặc người nhà đến lấy hàng tại kho hàng của ông Th. Ông Th2 kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi ông Th yêu cầu. Thỏa thuận cuối vụ thu hoạch tôm, ông Th2 và bà Ph phải thanh toán hết tiền hàng cho ông Th. Trường hợp xét thấy công nợ quá cao, hoặc khi thu tôm ông Th2 và bà Ph vẫn không thanh toán tiền hàng thì ông Th có quyền cắt hàng và đề nghị ông Th2, bà Ph thanh toán hết số tiền hàng còn nợ. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, ông Trịnh Cẩm Th đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông Th2, bà Ph. Sau khi nhận hàng thì ông Th2, bà Ph không có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông Th đã giao. Nhưng sau đó ông Th2, bà Ph không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, mặc dù ông Th đã cử nhân viên đến nhà và có gọi điện thoại nhắc nhở nhiều lần nhưng ông Th2 và bà Ph chỉ gửi trả vài triệu đồng và không chịu trả thêm. Tính đến ngày 04/01/2021 thì ông Th2 và bà Ph còn nợ ông Th số tiền là 214.383.000 đồng đến nay không thanh toán, ông Th2 và bà Ph đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th.

Ngày 06/02/2023 ông Trịnh Cẩm Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Văn Th2 và bà Nguyễn Ngọc Ph liên đới nghĩa vụ trả cho ông Th một lần số tiền nợ gốc 214.383.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm tính kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Minh Th1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ngọc Ph phải liên đới nghĩa vụ thanh toán nợ với ông Hồ Văn Th2. Chỉ yêu cầu ông Hồ Văn Th2 có nghĩa vụ trả cho ông Th một lần số tiền nợ gốc 214.383.000 đồng.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2023, bị đơn ông Hồ Văn Th2 trình bày:* Ông Th2 thừa nhận có mua thức ăn nuôi tôm của cửa hàng bán thức ăn tôm T do ông Trịnh Cẩm Th là chủ của hàng. Ông Th2 bắt đầu mua thức ăn tôm của ông Th nhiều năm, ông Th2 không nhớ bắt đầu mua từ năm nào, không nhớ mua bao nhiêu năm. Ông Th2 ngưng mua thức ăn của ông Th, nhưng không nhớ ngưng mua thời gian nào và còn thiếu nợ của ông Th. Đến khoảng giữa năm 2022, ông Th2 có trả cho ông Th 5.000.000 đồng, đến thời điểm hiện nay chỉ còn nợ của ông Th là 160.000.000 đồng, không phải còn nợ 214.383.000 đồng. Việc ông Th khởi kiện cho rằng ông Th2 còn nợ 214.383.000 đồng là không đúng. Mỗi lần mua thức ăn tôm thì phía ông Th có giao cho ông Th2 một cuốn sổ theo dõi việc mua thức ăn, số tiền nợ và ghi theo dõi số tiền trả dần nhưng kể từ khi ngưng mua thức ăn tôm của ông Th thì ông Th2 đã bỏ cuốn sổ, không còn giữ cuốn sổ nữa. Tất cả các bản đối chiếu xác nhận công nợ do ông Th nộp cho Tòa án thì các chữ ký và chữ viết của khách hàng Hồ Văn Th2 đúng là chữ ký và chữ viết của ông Th2, nhưng khi ông Th2 ký tên vào các bản đối chiếu xác nhận công nợ nêu trên thì phía ông

Th không có ghi số tiền. Mỗi lần ông Trịnh Cẩm Th đưa bản đối chiếu công nợ cho ông Th2 ký thì ông ký mà không có coi giấy đối chiếu công nợ, ông Th2 cũng không có giấy tờ gì để chứng minh. Do đó, ông Th2 không đồng ý với số tiền nợ 214.838.000 đồng mà ông Th đã kiện. Hiện nay ông Th2 chỉ thừa nhận còn nợ của ông Th 160.000.000 đồng.

Ngoài ra, giữa ông Th2 và bà Nguyễn Ngọc Ph đã ly hôn cách nay khoảng 15 năm, Tòa án có giải quyết cho ly hôn, nhưng bản án giải quyết của Tòa ông Th2 không còn giữ. Thời gian ly hôn đã lâu ông Th2 cũng không nhớ thời gian để đi trích lục bản án nên không có bản án ly hôn để nộp cho Tòa án. Số tiền nợ thức ăn của ông Trịnh Cẩm Th là nợ riêng của ông Th2, không có liên quan gì với bà Nguyễn Ngọc Ph. Ông Th2 đồng ý tự chịu trách nhiệm trả nợ tiền mua thức ăn tôm cho ông Th với số tiền là 160.000.000 đồng.

- *Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Ph:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Ngọc Ph theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Ph không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Hồ Văn Th2 và bà Nguyễn Ngọc Ph còn chưa chấp hành các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Hồ Văn Th2 và bà Nguyễn Ngọc Ph vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn nêu trên. Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ngọc Ph phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ với ông Hồ Văn Th2 là không vượt quá yêu cầu khởi kiện theo khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th - Chủ hộ kinh doanh T. Buộc ông Hồ Văn Th2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Cẩm Th số tiền 214.383.000 đồng và đề nghị tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Minh Th1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ngọc Ph phải liên đới nghĩa vụ thanh toán nợ với ông Hồ Văn Th2. Chỉ yêu cầu ông Hồ Văn Th2 có nghĩa vụ trả cho ông Th một lần số tiền nợ gốc 214.383.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt qua yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Ph và ông Hồ Văn Th2 đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà Ph và ông Th2 vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn nêu trên.

Về nội dung:

[3] Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Hồ Văn Th2 thanh toán số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Th là 214.383.000 đồng. Bị đơn ông Hồ Văn Th2 chỉ thừa nhận đến thời điểm hiện nay ông Th2 còn nợ của ông Th là 160.000.000 đồng, không phải còn nợ 214.383.000 đồng.

[4] Về chứng cứ: Nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th cung cấp chứng cứ (BL từ 14 đến 22; BL từ 28 đến 40) là hợp đồng mua bán bằng văn bản ngày 09/4/2018; các bảng đối chiếu xác nhận công nợ do ông Hồ Văn Th2 ký, cụ thể: Bảng đối chiếu xác nhận công nợ đến hết ngày 24/10/2017, ghi công nợ còn lại 180.991.000 đồng; bảng đối chiếu xác nhận công nợ đến hết ngày 31/12/2017, ghi công nợ còn lại 183.992.000 đồng; bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 04/6/2018 ghi số nợ 218.019.000 đồng; bảng đối chiếu xác nhận công nợ đến hết ngày 29/5/2020 ghi số nợ 216.383.000 đồng; bảng đối chiếu xác nhận công nợ khách hàng ngày 04/01/2021 ghi số nợ 214.383.000 đồng; sổ theo dõi việc mua bán thức ăn tôm. Bị đơn ông Hồ Văn Th2 thừa nhận tất cả các bản đối chiếu xác nhận công nợ do nguyên đơn cung cấp, các chữ ký và chữ viết của khách hàng Hồ Văn Th2 đúng là chữ ký và chữ viết của ông Th2 (BL 71).

[5] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Trịnh Cẩm Th đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi thủy sản cho bên mua là ông Hồ Văn Th2. Ông Th2 đã nhận đủ tài sản do ông Th chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng ông Th2 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Th theo thỏa thuận. Bị đơn ông Th2 cho rằng khi ông ký tên vào các bảng đối chiếu xác nhận công nợ nêu trên thì phía ông Th không có ghi số tiền, mỗi lần ông Trịnh Cẩm Th đưa bảng đối chiếu công nợ cho ông Th2 ký thì ông có ký, không có coi giấy đối chiếu công nợ và cho rằng khoảng giữa năm 2022 ông có thanh toán cho ông Trịnh Cẩm Th

5.000.000 đồng, chỉ còn nợ số tiền 160.000.000 đồng, nhưng ông Th2 cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh hiện nay ông chỉ nợ ông Th số tiền 160.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các bảng đối chiếu công nợ từ năm 2017 đến ngày 04/02/2021 nêu trên, có cơ sở khẳng định từ ngày 04/01/2021 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Hồ Văn Th2 còn nợ của ông Trịnh Cẩm Th số tiền mua thức ăn nuôi tôm là 214.383.000 đồng là có thật. Việc bị đơn ông Th2 không thanh toán số tiền còn nợ nêu trên cho nguyên đơn là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông Trịnh Cẩm Th yêu cầu ông Hồ Văn Th2 trả số tiền nợ 214.383.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc Ph, xét lời trình bày của bị đơn ông Hồ Văn Th2 về việc đã ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Ph cách nay 14, 15 năm nên số tiền nợ thức ăn của ông Th là nợ riêng của ông Th2. Ông Th2 tự nguyện chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th. Xét thấy, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Ph phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ với ông Th2 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với nghĩa vụ liên đới của bà Ph.

[7] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Trịnh Cẩm Th được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Hồ Văn Th2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Cẩm Th – Chủ hộ kinh doanh T về việc yêu cầu bị đơn ông Hồ Văn Th2 trả số tiền 214.383.000 đồng.

[2] Buộc ông Hồ Văn Th2 phải có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Cẩm Th – Chủ hộ kinh doanh T tổng số tiền 214.383.000 đồng.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc ông Trịnh Cẩm Th – Chủ hộ kinh doanh T có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Hồ Văn Th2 chậm trả số tiền nêu trên cho

ông Trịnh Cẩm Th, thì ông Hồ Văn Th2 trả lãi đối với số tiền trả chậm cho ông Trịnh Cẩm Th, với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Hồ Văn Th2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.719.150 đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Ông Trịnh Cẩm Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.359.575 đồng theo biên lai thu số 0007395 ngày 09/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện M;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ái Mỹ